

Số: 176/2026/QĐST-DS

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 520/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V)** – Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Anh T – Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 3 - Ngân hàng TMCP V (theo Văn bản uỷ quyền số 50/2025/UQN – CTQT ngày 07/11/2025 của Ông Ngô Chí D.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Lê Văn T1 – Chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ; ông Nguyễn Văn D1 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; bà Lê Thị Thảo N – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; ông Lê Tài T2 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; ông Đỗ Thành Đ – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; ông Đặng Nhật L – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; ông Trần Quốc T3 – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (theo Văn bản uỷ quyền số 713/2026/UQ-VPB ngày 01/3/2026 của ông Nguyễn Anh T – Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 3 - Ngân hàng TMCP V).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thế T4**, sinh năm:1989 và bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1991. Cùng cư trú tại: Tổ B, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng (địa chỉ hiện nay là: Số I đường N, phường N, thành phố Đà Nẵng).

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Quỳnh L1, sinh năm: 1991. Địa chỉ liên hệ: Tầng E, số E B, phường H, thành phố Đà Nẵng. (Theo Giấy uỷ quyền ngày 17/3/2026 của ông Nguyễn Thế T4 và bà Nguyễn Thị H tại Văn phòng C, thành phố Đà Nẵng).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác nhận nợ: Ông Nguyễn Thế T4 và bà Nguyễn Thị H nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2026 là: **20.309.826.231** đồng (*Hai mươi tỷ, ba trăm lẻ chín triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi một đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 18.881.145.849 đồng; Nợ lãi: 1.428.680.382 đồng.

2. Thời gian và phương thức trả nợ như sau:

+ Đợt 01: Vào ngày 25/5/2026 ông Nguyễn Thế T4 và bà Nguyễn Thị H sẽ thanh toán cho Ngân hàng 20% khoản nợ tương ứng số tiền là: 4.061.965.246 đồng (*Bốn tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi sáu đồng*).

+ Đợt 02: Vào ngày 25/6/2026 ông Nguyễn Thế T4 và bà Nguyễn Thị H sẽ tất toán khoản nợ cho Ngân hàng tương ứng số tiền là: 16.247.860.985 đồng (*Mười sáu tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, chín trăm tám mươi lăm đồng*).

Trường hợp đến hạn thanh toán mà ông Nguyễn Thế T4 và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ theo đúng sự thỏa thuận đã cam kết thì tất cả các nghĩa vụ chưa đến hạn đều được quyền yêu cầu thi hành án.

Kể từ ngày 26/3/2026, Ông Nguyễn Thế T4 và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Thế T4 và bà Nguyễn Thị H không thanh toán nợ đúng thời hạn như đã cam kết thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 48, tờ bản đồ số 35 tại địa chỉ: Thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 724272, số vào sổ cấp GTN: CT04761 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (cũ) cấp ngày 31/08/2018. Được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (cũ) chỉnh lý biến động ngày 03/11/2023 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thế T4 theo hồ sơ số 004761.CN.001.

Tài sản có hiện trạng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng để thu hồi nợ theo quy định Điều 299 Bộ luật dân sự:

Đất có hiện trạng thể hiện như sau:

* Về phần đất:

+ Đất có diện tích: 277 m²

+ Hình thức sử dụng: sử dụng riêng

Đất có tứ cận:

+ Hướng Bắc: Giáp đường giao thông

+ H: Giáp đất trống

+ Hướng Tây: Giáp đất trống

+ Hướng Nam: Giáp đất trống.

Về phần đất không có gì thay đổi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 724272, số vào sổ cấp GTN: CT04761 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (cũ) cấp ngày 31/08/2018.

* Hiện lô đất trống, không có bất kỳ công trình xây dựng hay vật kiến trúc nào tồn tại trên lô đất.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 70 tại địa chỉ: Thôn M, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CN 724316, số vào sổ cấp GTN: CT04787 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (cũ) cấp ngày 31/08/2018. Được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình chỉnh lý biến động ngày 03/11/2023 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thế T4 theo hồ sơ số 004787.CN.001.

Tài sản có hiện trạng theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đà Nẵng để thu hồi nợ theo quy định Điều 299 Bộ luật dân sự:

Đất có hiện trạng thể hiện như sau:

* Về phần đất:

+ Đất có diện tích: 290 m²

+ Hình thức sử dụng: sử dụng riêng

Đất có tứ cận:

+ Hướng Bắc: Giáp đất trống

+ H: Giáp biển

+ Hướng Tây: Giáp đường giao thông

+ Hướng Nam: Giáp đường giao thông.

Về phần đất không có gì thay đổi so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 724316, số vào sổ cấp GTN: CT04787 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q (cũ) cấp ngày 31/08/2018.

* Hiện lô đất trống, không có bất kỳ công trình xây dựng hay vật kiến trúc nào tồn tại trên lô đất.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Thế T4 và bà Nguyễn Thị H phải chịu: 64.154.913 đồng (*Sáu mươi tư triệu một trăm năm mươi tư nghìn, chín trăm mười ba đồng*).

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*), các bên đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Thế T4 và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu. Ngân hàng TMCP V đã nộp và chi phí xong do đó ông Nguyễn Thế T4 và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thôi trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 26.000.000 đồng.

5. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 63.777.940 đồng (*Sáu mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp theo biên lai số 0007847 ngày 29/12/2025 tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THA dân sự TP Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Thị Kim Nhung